



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	01
Báo cáo kiểm toán độc lập	02
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng Cân đối kế toán (B01 - DN)	03 – 04
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh (B02 - DN)	05
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ (B03 - DN)	06
Thuyết minh Báo cáo tài chính (B09 - DN)	07 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Dương Hải Thanh	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Phi Trường	Ủy viên
	Ông Phạm Hồng Minh	Ủy viên
	Ông Phạm Văn Hanh	Ủy viên
	Ông Nguyễn Văn Tặng	Ủy viên
Ban Giám đốc	Ông Phạm Hồng Minh	Giám đốc
	Ông Nguyễn Phi Trường	Phó Giám đốc
	Ông Trần Văn Ôn	Phó Giám đốc
	Ông Trịnh Đình Kiên	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

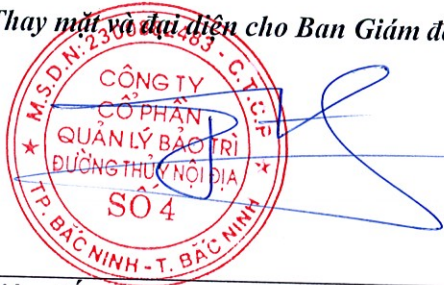
Ban Giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Giám đốc

Phạm Hồng Minh

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 03 năm 2021, từ trang 03 đến trang 23, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Nguyễn Mạnh Hùng****Phó Tổng Giám đốc**Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán số:
2501-2019-239-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CHÂU Á

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2021

**Vũ Xuân Mạnh****Kiểm toán viên**Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán số:
2360-2019-239-1

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		46.643.604.247	32.918.558.987
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.230.943.497	141.958.367
1. Tiền	111		2.230.943.497	141.958.367
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		39.306.717.450	30.145.598.888
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	29.638.529.175	22.634.758.768
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	381.543.800	448.966.256
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	9.286.644.475	7.061.873.864
IV. Hàng tồn kho	140		5.105.943.300	2.631.001.732
1. Hàng tồn kho	141	9	5.105.943.300	2.631.001.732
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.757.352.330	11.611.803.545
II. Tài sản cố định	220		9.932.798.398	11.180.213.283
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	9.932.798.398	11.180.213.283
- Nguyên giá	222		33.224.046.834	33.221.580.332
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.291.248.436)	(22.041.367.049)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		824.553.932	431.590.262
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	824.553.932	431.590.262
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		57.400.956.577	44.530.362.532

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		43.841.571.458	31.329.362.532
I. Nợ ngắn hạn	310		43.379.686.204	30.709.116.626
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	9.369.258.074	3.213.114.152
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	3.533.129.427	1.565.244.476
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	3.335.379.668	2.267.281.383
4. Phải trả người lao động	314		1.093.812.942	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	7.554.281.223	6.024.710.451
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16a	18.177.389.506	17.423.250.000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		316.435.364	215.516.164
II. Nợ dài hạn	330		461.885.254	620.245.906
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16b	461.885.254	620.245.906
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		13.559.385.119	13.201.000.000
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	17	13.559.385.119	13.201.000.000
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		11.600.000.000	11.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		11.600.000.000	11.600.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		117.000.000	117.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		598.000.000	498.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.244.385.119	986.000.000
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.244.385.119	986.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		57.400.956.577	44.530.362.532
(440 = 300+400)				

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 03 năm 2021

Người lập

✓ Kế toán trưởng

Giám đốc



Chu Thị Thập



Vũ Xuân Trường




Phạm Hồng Minh

Mẫu B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	137.952.860.774	124.086.616.380
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		137.952.860.774	124.086.616.380
4. Giá vốn hàng bán	11	19	122.291.231.809	109.360.343.477
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		15.661.628.965	14.726.272.903
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	7.539.182	5.915.470
7. Chi phí tài chính	22	21	1.993.532.914	1.916.089.696
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.993.532.914</i>	<i>1.916.089.696</i>
8. Chi phí bán hàng	25	22a	3.830.333.892	4.641.742.744
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22b	6.343.253.116	6.103.184.068
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		3.502.048.225	2.071.171.865
11. Thu nhập khác	31	23a	29.959.208	-
12. Chi phí khác	32	23b	1.193.713.430	106.902.793
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(1.163.754.222)	(106.902.793)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		2.338.294.003	1.964.269.072
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	428.908.884	414.234.373
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		1.909.385.119	1.550.034.699
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	1.646	910

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 03 năm 2021

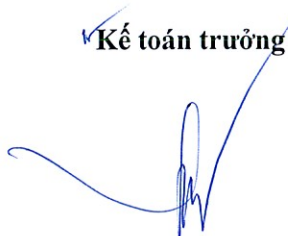
Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Chu Thị Thập



Vũ Xuân Trường



Phạm Hồng Minh

MẪU B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.338.294.003	1.964.269.072
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		1.627.440.202	1.845.304.179
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		360.695.367	(5.915.470)
- Chi phí lãi vay	06		1.993.532.914	1.916.089.696
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.319.962.486	5.719.747.477
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(9.161.118.562)	3.401.655.342
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.474.941.568)	1.864.674.156
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		11.700.836.361	(10.404.013.365)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(392.963.670)	531.537.146
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.993.532.914)	(1.916.089.696)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(314.234.373)	(583.699.842)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(464.080.800)	(408.969.105)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.219.926.960	(1.795.157.887)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.093.714.411)	(31.818.181)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		345.454.545	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.539.182	5.915.470
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(740.720.684)	(25.902.711)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ cho vay	33		38.400.139.506	35.356.640.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(37.804.360.652)	(34.705.080.652)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(986.000.000)	(928.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(390.221.146)	(276.440.652)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		2.088.985.130	(2.097.501.250)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		141.958.367	2.239.459.617
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5	2.230.943.497	141.958.367

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 03 năm 2021

Người lập

✓ Kế toán trưởng

Giám đốc





Chu Thị Thập

Vũ Xuân Trường

Phạm Hồng Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 4568 /QĐ-BGTVT ngày 03/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về Cổ phần hóa Đoàn Quản lý Đường thủy Nội địa số 4 thành Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4; Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2300882483 ngày 05/3/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp và thay đổi giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 2 (hai) ngày 27/4/2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300882483 ngày 27/4/2015 là 11.600.000.000 đồng (Mười một tỷ sáu trăm triệu đồng). được chia thành 1.160.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/cổ phần

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: INLAND WATERWAY MANAGEMENT AND MAINTENANCE JOINT STOCK COMPANY N04.

Trụ sở chính của Công ty tại: Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Quản lý bảo trì đường thủy nội địa. Điều tiết đảm bảo an toàn giao thông đường thủy; điều tiết chống va trôi mùa lũ; thanh thải chướng ngại vật trên tuyến đường thủy, nạo vét đường thủy;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác khoáng sản trên sông.
- Đóng tàu và cầu kiện nổi;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn khảo sát thiết kế công trình giao thông, tư vấn thiết kế các công trình đường thủy, tư vấn giám sát thi công các công trình đường thủy;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện thủy; sản xuất lắp đặt phao tiêu báo hiệu đường thủy;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Mua bán, cho thuê phương tiện đường thủy, đường bộ. Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện;
- Thi Công xây dựng, sửa chữa Công trình giao thông thủy, bộ, dân dụng và thủy lợi.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa, kinh doanh dầu, hoạt động quản lý đường thủy nội địa; mua bán xăng dầu.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên Công ty	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4 - Chi nhánh Trạm quản lý Đường thủy nội địa Bắc Giang	Số 86 đường Châu Xuyên, Phường Lê Lợi, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa
Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4 - Chi nhánh Trạm quản lý Đường thủy nội địa Quang Châu	Thôn Đạo Ngạn, Xã Quang Châu, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa
Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4 - Chi nhánh Trạm quản lý Đường thủy nội địa Lục Nam	Thôn Già Khê, Xã Tiên Hưng, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa
Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4 - Chi nhánh Trạm quản lý Đường thủy nội địa Bồ Hạ	Phố Gia Lâm, Thị Trấn Bồ Hạ, Huyện Yên Thế, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa
Chi nhánh Trạm quản lý Đường thủy nội địa Đa Phúc - Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4	Xóm Công Thương, Xã Thuận Thành, Thị xã Phố Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa
Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 4 tại Nam Định	Km32 Sông Đào thôn Phạm Xá, Xã Yên Nhân, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Kinh doanh xăng dầu

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo. Giá trị của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10-50 năm	10-50 năm
Máy móc, thiết bị	03-07 năm	03-07 năm
Phương tiện vận tải	07-15 năm	07-15 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm	05 năm

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- *Phải trả người bán* : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)

- *Phải trả khác* gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

- *Một số khoản công nợ phải trả nhà cung cấp đang theo dõi và phản ánh sang khoản mục công nợ phải trả khác với đối tượng là các đội thi công công trình. Việc theo dõi như vậy là dựa trên hợp đồng giao khoán giữa Công ty và các đội thi công công trình, theo đó tại thời điểm cuối kỳ, công nợ phải trả khác của các*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo để thi công công trình bao gồm công nợ phải trả nhà cung cấp vật tư cho công trình tương ứng, công nợ phải trả cán bộ nhân viên công tác tại đội thi công.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu hợp đồng xây dựng:

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY

NỘI ĐỊA SỐ 4

Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh,
tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	491.506.599	98.495.760
Tiền gửi ngân hàng	1.739.436.898	43.462.607
Cộng	2.230.943.497	141.958.367

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY
NỘI ĐỊA SỐ 4**Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh,
tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Cục Đường Thủy Nội Địa Việt Nam	14.058.365.801	8.266.854.669
Công ty TNHH Thương mại và vận tải Định Phương	402.743.769	1.194.226.703
Công ty TNHH xây dựng Tân Thịnh	2.039.520.800	1.172.778.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	13.137.898.805	12.000.899.396
Cộng	29.638.529.175	22.634.758.768

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại vận tải Hải Toàn	74.101.754	242.151.754
Công ty cổ phần dịch vụ và thương mại 568	80.000.000	80.000.000
Doanh nghiệp tư nhân Tâm Thúy	-	100.000.000
Công ty TNHH Cơ khí xây dựng và thương mại Thu Duyên	122.430.000	-
Trả trước đối tượng khác	105.012.046	26.814.502
Cộng	381.543.800	448.966.256

8. PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
- Tạm ứng	2.984.542.333	-	2.245.591.642	-
- Ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	946.732.149	-	620.661.895	-
- Phải thu các đội, xí nghiệp	4.422.636.262	-	3.262.886.594	-
- Phải thu khác	932.733.731	-	932.733.733	-
Cộng	9.286.644.475	-	7.061.873.864	-

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	64.517.463	-
Chi phí SX KDDD	4.241.836.645	-	2.466.986.152	-
Thành phẩm	-	-	1.250.266	-
Hàng hóa	864.106.655	-	98.247.851	-
Cộng	5.105.943.300	-	2.631.001.732	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2020	10.664.628.353	1.655.901.870	20.855.050.109	46.000.000	33.221.580.332
Tăng trong năm	-	-	1.093.714.411	-	1.093.714.411
Mua trong năm	-	-	1.093.714.411	-	1.093.714.411
Giảm trong năm	174.050.000	601.000.000	316.197.909	-	1.091.247.909
Thanh lý, nhượng bán	174.050.000	601.000.000	316.197.909	-	1.091.247.909
Số dư tại 31/12/2020	10.490.578.353	1.054.901.870	21.632.566.611	46.000.000	33.224.046.834
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2020	4.217.787.583	756.935.508	17.021.780.417	44.863.541	22.041.367.049
Tăng trong năm	728.417.835	70.198.648	827.687.260	1.136.459	1.627.440.202
Khấu hao trong năm	728.417.835	70.198.648	827.687.260	1.136.459	1.627.440.202
Giảm trong năm	70.368.594	158.000.010	149.190.211	-	377.558.815
Thanh lý, nhượng bán	70.368.594	158.000.010	149.190.211	-	377.558.815
Số dư tại 31/12/2020	4.875.836.824	669.134.146	17.700.277.466	46.000.000	23.291.248.436
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2020	6.446.840.770	898.966.362	3.833.269.692	1.136.459	11.180.213.283
Tại 31/12/2020	5.614.741.529	385.767.724	3.932.289.145	-	9.932.798.398

- Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 6.279.195.375 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 309.165.470 VND).
- Như trình bày tại Thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp tài sản với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 5.915.608.840 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 6.691.671.676 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY**NỘI ĐỊA SỐ 4**Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh,
tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	215.831.246	147.152.353
Chi phí hệ thống quản lý chất lượng ISO, chi phí sửa chữa	608.722.686	284.437.909
Cộng	824.553.932	431.590.262

*Đơn vị tính: VND***12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty cổ phần Đầu tư TVHT	-	-	614.575.000	614.575.000
Chi nhánh xăng dầu Bắc Ninh	984.066.809	984.066.809	992.868.950	992.868.950
Công ty cổ phần đảm bảo an toàn đường thủy Mạnh Hưng	1.037.584.000	1.037.584.000	650.319.000	650.319.000
Hợp tác xã Cổ phần Mùa Xuân	282.506.600	282.506.600	283.858.000	283.858.000
Công ty xây dựng và thương mại Đại Tâm	2.219.247.720	2.219.247.720	-	-
Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng Giao thông Kinh Bắc	2.024.654.000	2.024.654.000	-	-
Công ty TNHH xây dựng và Thương mại Lâm Đại Dương BN	792.000.000	792.000.000	-	-
Phải trả người bán ngắn hạn khác	2.029.198.945	2.029.198.945	671.493.202	671.493.202
Cộng	9.369.258.074	9.369.258.074	3.213.114.152	3.213.114.152

*Đơn vị tính: VND***13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty TNHH xây dựng Quý Đức	158.633.300	966.443.660
Ban QLDA các công trình giao thông tỉnh Bắc Ninh	-	558.346.725
Trường THPT Tiên Du số 1	2.700.000.000	-
Đối tượng khác	212.610.873	40.454.091
Cộng	3.533.129.427	1.565.244.476

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY**NỘI ĐỊA SỐ 4**Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh,
tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2020
Thuế giá trị gia tăng	1.910.933.516	4.129.067.447	3.129.158.739	2.910.842.224
Thuế thu nhập doanh nghiệp	309.862.933	428.908.884	314.234.373	424.537.444
Thuế thu nhập cá nhân	46.484.934	33.902.146	80.387.080	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	190.537.700	190.537.700	-
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	11.000.000	11.000.000	-
Cộng	2.267.281.383	4.793.416.177	3.725.317.892	3.335.379.668

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	490.901.468	246.957.148
Bảo hiểm y tế	38.822.495	5.945.741
Bảo hiểm tại nạn lao động	4.313.610	-
Bảo hiểm thất nghiệp	17.254.439	33.420.329
Phải trả, phải nộp khác	374.417.832	668.637.395
Phải trả các xí nghiệp, các trạm	6.628.571.379	5.069.749.838
Cộng	7.554.281.223	6.024.710.451

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
a. Vay ngắn hạn	18.177.389.506	18.177.389.506	38.400.139.506	17.423.250.000
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Bắc Ninh (1)	4.650.000.000	4.650.000.000	15.503.000.000	15.853.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc dân Bắc Ninh (2)	1.964.000.000	1.964.000.000	12.219.000.000	3.148.000.000
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng - CN Bắc Ninh (3)	958.139.506	958.139.506	958.139.506	-
Vay cá nhân (4)	10.605.250.000	10.605.250.000	9.720.000.000	9.275.250.000
b. Vay dài hạn	461.885.254	461.885.254	-	620.245.906
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Bắc Ninh (5)	461.885.254	461.885.254	-	620.245.906
Tổng	18.639.274.760	18.639.274.760	38.400.139.506	18.043.495.906

(1) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 0200/2020/7766670/HĐTD ngày 17/11/2020 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Mức cấp tín dụng tối đa: 7.000.000.000 đồng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0058/2015/7766670/HĐBB ngày 01/09/2015, số 0074/2015/7766670/HĐBB ngày 05/10/2015, số 0075/2015/7766670/HĐBB ngày 05/10/2015, số 0076/2015/7766670/HĐBB ngày 05/10/2015, số 0079/2015/7766670/HĐBB ngày 20/10/2015, số 0019/2016/7766670/HĐBB ngày 17/03/2016, số 0037/2016/8583711 ngày 23/05/2016, số 0055/2019/7766670/HĐBB ngày 19/11/2019.

(2) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1384/20/HĐHM-9235 ngày 23/12/2020 với Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Bắc Ninh. Hạn mức cấp tín dụng tối đa: 50.000.000.000 đồng. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời gian duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày 23/12/2020. Lãi suất: theo thỏa thuận của hai bên tại Khế ước nhận nợ. Biện pháp đảm bảo: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1119/2019/HĐTC-9235 ngày 11/12/2019 ký giữa Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Bắc Ninh ký với Ông Dương Hải Thanh và Bà Nguyễn Thị Tường Vy.

(3) Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số BNH/20058 ngày 12/6/2020 với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Bắc Ninh. Hạn mức thấu chi: 962.000.000 đồng. Thời gian duy trì hạn mức: đến ngày 15/04/2021. Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán tiền mua hàng hóa là xăng dầu các loại cho Công ty TNHH MTV Hải Linh Bắc Ninh. Lãi suất: tại thời điểm ký hợp đồng là 10,2%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/01 lần. Biện pháp đảm bảo: Không áp dụng biện pháp đảm bảo.

(4) Các HĐ huy động vốn cá nhân có lãi suất là 12% trả lãi vay hàng quý. Mục đích: bổ sung vốn lưu động.

(5) Hợp đồng tín dụng số: SHBVN/BN/2018/CA-0539 ngày 08/11/2018 với mục đích sử dụng: mua ô tô mới. Giá trị tổng hạn mức tín dụng là 805 triệu đồng, phương thức cho vay: cho vay theo từng lần, thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 60 tháng. Lãi suất vay được thỏa thuận phù hợp giữa các bên theo quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết. Tài sản đảm bảo là xe ô tô TOYOTA FORTUNER màu đen, số khung: MHFJX3GS6J0581034, số máy A5200032TR, biển số: 99A-256.85 trị giá một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2019	11.600.000.000	117.000.000	368.000.000	1.080.071.373	13.165.071.373
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.550.034.699	1.550.034.699
Phân phối lại lợi nhuận 2018	-	-	60.000.000	(152.071.373)	(92.071.373)
Chia trả cổ tức (2018)	-	-	-	(928.000.000)	(928.000.000)
Phân phối lợi nhuận (2019)	-	-	70.000.000	(564.034.699)	(494.034.699)
Số dư tại 31/12/2019	11.600.000.000	117.000.000	498.000.000	986.000.000	13.201.000.000
Số dư tại 01/01/2020	11.600.000.000	117.000.000	498.000.000	986.000.000	13.201.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	1.909.385.119	1.909.385.119
Phân phối lợi nhuận (2020)	-	-	100.000.000	(665.000.000)	(565.000.000)
Chia trả cổ tức (2019)	-	-	-	(986.000.000)	(986.000.000)
Số dư tại 31/12/2020	11.600.000.000	117.000.000	598.000.000	1.244.385.119	13.559.385.119

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY**NỘI ĐỊA SỐ 4**Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh,
tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	5.916.000.000	5.916.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	5.684.000.000	5.684.000.000
Cộng	11.600.000.000	11.600.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	11.600.000.000	11.600.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	11.600.000.000	11.600.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.651.000.000	1.644.106.072

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	60.312.900.491	85.371.958.330
Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.113.935.010	33.908.942.595
Doanh thu Hợp đồng xây dựng	61.526.025.273	4.805.715.455
Cộng	137.952.860.774	124.086.616.380

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa thành phẩm	55.224.539.512	80.101.982.876
Giá vốn cung cấp dịch vụ	9.865.643.699	24.700.752.505
Giá vốn Hợp đồng xây dựng	57.201.048.598	4.557.608.096
Cộng	122.291.231.809	109.360.343.477

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.539.182	5.915.470
Cộng	7.539.182	5.915.470

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.993.532.914	1.916.089.696
Tổng	1.993.532.914	1.916.089.696

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY**NỘI ĐỊA SỐ 4**Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh,
tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
a. Chi phí bán hàng	3.830.333.892	4.641.742.744
Chi phí nhân viên	1.249.189.930	1.926.927.934
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	379.928.441	52.782.932
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	13.009.180	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	575.923.212	621.094.344
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.350.160	91.042.513
Chi phí bằng tiền khác	1.544.932.969	1.949.895.021
- Chi phí hoa hồng, khuyến mại	543.362.200	709.471.345
- Chi tiếp khách, khánh tiết	252.271.200	268.888.100
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	749.299.569	971.535.576
b. Chi phí quản lý	6.343.253.116	6.103.184.068
Chi phí nhân viên quản lý	2.497.447.588	2.761.198.127
Chi phí vật liệu quản lý	148.961.735	287.319.912
Chi phí đồ dùng văn phòng	241.373.811	286.111.795
Chi phí khấu hao TSCĐ	555.037.854	526.459.296
Thuế phí và lệ phí	832.159.040	538.939.568
Chi phí dịch vụ mua ngoài	130.138.831	233.178.474
Chi phí bằng tiền khác	1.938.134.257	1.469.976.896
- Chi tiếp khách, khánh tiết	557.183.748	656.714.866
- Chi phí bằng tiền khác	1.380.950.509	813.262.030
Cộng	10.173.587.008	10.744.926.812

23. THU NHẬP KHÁC, CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
a. Thu nhập khác		
Thu nhập khác	29.959.208	-
Cộng	29.959.208	-
b. Chi phí khác		
Phạt, lãi chậm nộp thuế và Bảo hiểm	92.379.562	106.902.793
Lỗi thanh lý tài sản	368.234.549	-
Xuất toán theo kiểm tra cơ quan Nhà nước	112.961.307	-
Xử lý công nợ phải thu	580.138.000	-
Chi phí khác	40.000.012	-
Cộng	1.193.713.430	106.902.793
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(1.163.754.222)	(106.902.793)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	2.338.294.003	1.964.269.072
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	725.340.881	106.902.793
Thu nhập chịu thuế	3.063.634.884	2.071.171.865
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	428.908.884	414.234.373
Thuế thu nhập theo thuế suất thông thường	612.726.977	414.234.373
Miễn giảm theo Nghị Định 114/2020/NĐ-CP	(183.818.093)	-
Cộng	428.908.884	414.234.373

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	1.909.385.119	1.550.034.699
Các khoản điều chỉnh		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (*)</i>	565.000.000	494.034.699
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.909.385.119	1.056.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	1.160.000	1.160.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.646	910

(*) Khoản điều chỉnh giảm năm 2020 là khoản tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2020 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận được thông qua đại hội đồng cổ đông năm 2020. Chỉ tiêu này có thể thay đổi khi có Nghị quyết đại hội cổ đông về việc phân phối lợi nhuận năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

26. THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TIỀN LƯƠNG CỦA GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC TRONG NĂM

Thù lao thành viên Hội đồng quản trị

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2019</u> <u>VND</u>
Dương Hải Thanh	Chủ tịch	-	-
Nguyễn Phi Trường	Ủy viên	18.000.000	18.000.000
Phạm Hồng Minh	Ủy viên	18.000.000	18.000.000
Phạm Văn Hanh	Ủy viên	18.000.000	18.000.000
Nguyễn Văn Tặng	Ủy viên	18.000.000	18.000.000
Cộng		72.000.000	72.000.000

Thù lao thành viên Ban Kiểm soát

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2019</u> <u>VND</u>
Nguyễn Thị Hằng	Trưởng Ban kiểm soát	18.000.000	18.000.000
Trần Thị Thoan	Thành viên BKS	12.000.000	12.000.000
Lê Cao Khánh	Thành viên BKS	6.000.000	-
Trần Thị Kiều	Thành viên BKS	6.000.000	12.000.000
Cộng		42.000.000	42.000.000

Tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2019</u> <u>VND</u>
Dương Hải Thanh	Chủ tịch HĐQT	278.480.000	267.060.000
Phạm Văn Hanh	Ủy viên HĐQT	200.273.000	152.101.300
Nguyễn Văn Tặng	Ủy viên HĐQT	198.718.000	147.418.400
Phạm Hồng Minh	Giám đốc	241.512.000	187.690.000
Nguyễn Phi Trường	Phó Giám đốc	227.043.400	176.564.800
Trần Văn Ôn	Phó Giám đốc	214.680.000	172.840.000
Trịnh Đình Kiên	Phó Giám đốc	215.324.000	191.734.800
Vũ Xuân Trường	Kế toán trưởng	158.634.000	129.420.000
Đỗ Thị Kim Tuyến	Người công bố thông tin	135.834.000	101.016.000

27. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIỆT NAM với ý kiến chấp nhận toàn phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

29. THÔNG TIN KHÁC

Ngoài những thông tin đã trình bày ở trên không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính và Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 03 năm 2021

Người lập

✓ Kế toán trưởng

Giám đốc

Chu Thị Thập

Vũ Xuân Trường



Phạm Hồng Minh

